

ĐẢNG BỘ TỈNH NINH BÌNH
ĐẢNG ỦY XÃ HẢI HẬU

*

Số 399-CV/ĐU

*Mời dự Lễ trao tặng Huy hiệu Đảng đợt 02/9/2026;
giao ban với các đồng chí Bí thư đảng bộ,
chi bộ trực thuộc*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hải Hậu, ngày 21 tháng 9 năm 2026

Kính gửi:

- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ,
- Các đảng bộ, chi bộ trực thuộc.

Thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa I, nhiệm kỳ 2025-2030, Ban Thường vụ Đảng ủy tổ chức Lễ trao tặng Huy hiệu Đảng đợt 02/9/2026; giao ban với các đồng chí Bí thư đảng bộ, chi bộ trực thuộc tháng 9 năm 2026.

*** Thành phần:**

- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy.
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ.
- Đồng chí Bí thư các đảng bộ trực thuộc cơ sở.
- Đồng chí Bí thư các chi bộ (cơ quan, đơn vị, thôn, trường học, trạm Y tế trên địa bàn xã).
- Đồng chí Trưởng thôn, Trưởng Ban Công tác Mặt trận *(do đồng chí Bí thư Chi bộ thông báo mời dự)*.
- Các đồng chí đảng viên được trao tặng Huy hiệu Đảng đợt 02/9/2026. *(Có danh sách kèm theo; do đồng chí Bí thư Chi bộ thông báo mời dự)*

*** Thời gian:** Thứ Sáu, ngày 25 tháng 9 năm 2026.

(Làm việc từ 14 giờ)

*** Địa điểm:** Nhà văn hóa xã Hải Hậu.

Trân trọng kính mời các đồng chí về dự.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

T/L BAN THƯỜNG VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG



Phạm Văn Công

ĐẢNG BỘ TỈNH NINH BÌNH
ĐẢNG ỦY XÃ HẢI HẬU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

**DANH SÁCH
ĐẢNG VIÊN ĐƯỢC TRAO HUY HIỆU ĐẢNG ĐỢT 02/9/2026**

CHI BỘ YÊN ĐỊNH				
Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chi bộ	Huy hiệu Đảng
1	NGUYỄN THỊ MƠ	24/06/1965	CB Yên Định	30 năm
2	MAI THẾ BỘI	10/12/1970	CB Yên Định	35 năm
3	PHẠM VĂN CA	19/10/1960	CB Yên Định	35 năm
4	LẠI CÔNG CHẤT	2/2/1950	CB Yên Định	35 năm
5	NGUYỄN XUÂN CHINH	20/10/1950	CB Yên Định	35 năm
6	MAI THANH ĐAN	20/2/1957	CB Yên Định	35 năm
7	VŨ NGỌC ĐÌNH	19/2/1946	CB Yên Định	35 năm
8	MAI DUY HIỀN	1/6/1967	CB Yên Định	35 năm
9	TRẦN VĂN HOÁN	28/12/1965	CB Yên Định	35 năm
10	PHẠM VĂN HỒNG	10/9/1960	CB Yên Định	35 năm
11	NGÔ THỊ HỢI	26/6/1947	CB Yên Định	35 năm
12	VŨ THỊ HUỜNG	15/7/1963	CB Yên Định	35 năm
13	NGUYỄN VĂN KINH	8/1/1956	CB Yên Định	35 năm
14	PHẠM THỊ LAN	14/1/1949	CB Yên Định	35 năm
15	VŨ THẾ LÂM	28/2/1965	CB Yên Định	35 năm
16	LÃ QUỐC MINH	13/2/1957	CB Yên Định	35 năm
17	ĐINH VĂN NAM	2/2/1958	CB Yên Định	35 năm
18	PHẠM THỊ NGHỆ	13/3/1954	CB Yên Định	35 năm
19	LÊ THỊ NHÂM	19/10/1953	CB Yên Định	35 năm
20	ĐỖ VĂN NHƯ	25/12/1965	CB Yên Định	35 năm
21	BÙI VĂN OÁNH	10/10/1966	CB Yên Định	35 năm

22	MAI THỊ KIM PHUƠNG	23/3/1960	CB Yên Định	35 năm
23	TRẦN VĂN THUYẾT	28/8/1961	CB Yên Định	35 năm
24	NGUYỄN QUỐC TRỌNG	17/9/1952	CB Yên Định	35 năm
25	NGUYỄN NGỌC TRUYỀN	17/1/1964	CB Yên Định	35 năm
26	PHẠM MINH TUỆ	22/4/1960	CB Yên Định	35 năm
27	NGUYỄN THỊ TUYẾT	30/8/1957	CB Yên Định	35 năm
28	TRẦN GIA TƯỜNG	1/2/1952	CB Yên Định	35 năm
29	TRẦN THỊ KIM YẾN	12/12/1957	CB Yên Định	35 năm
30	PHẠM THỊ DUNG	21/6/1957	CB Yên Định	35 năm
31	LÂM NGỌC VŨ	4/1/1965	CB Yên Định	35 năm
32	LÂM NGỌC VŨ	4/1/1965	CB Yên Định	40 năm
33	NGUYỄN VĂN TÀI	2/5/1958	CB Yên Định	35 năm
34	NGUYỄN VĂN TÀI	2/5/1958	CB Yên Định	40 năm
35	ĐỖ THỊ CHIÊN	8/8/1959	CB Yên Định	35 năm
36	ĐỖ THỊ CHIÊN	8/8/1959	CB Yên Định	40 năm
37	PHẠM THỊ DUNG	21/6/1957	CB Yên Định	40 năm
38	LUU VĂN CỒN	03/12/1959	CB Yên Định	45 năm
39	VŨ THẾ DŨNG	10/6/1957	CB Yên Định	50 năm
40	TRẦN THIÊN TỰ	10/10/1954	CB Yên Định	50 năm
41	PHẠM NGỌC TIỂU	8/4/1947	CB Yên Định	55 năm
42	MAI VĂN TOÀN	15/01/1951	CB Yên Định	55 năm
43	VŨ CÔNG VIÊN	5/6/1948	CB Yên Định	60 năm

CHI BỘ QUẦN PHƯƠNG

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chi bộ	Huy hiệu Đảng
1	PHẠM VĂN ĐỒNG	13/04/1972	CB Quần Phương	30 năm
2	LÂM THANH TOÀN	15/08/1971	CB Quần Phương	30 năm
3	ĐOÀN NGỌC LỘ	08/05/1962	CB Quần Phương	30 năm
4	LÃ VĂN CHIẾN	25/8/1964	CB Quần Phương	35 năm
5	ĐẶNG DUY HIẾU	20/7/1967	CB Quần Phương	35 năm

6	TRẦN THỊ HUYỀN	1/8/1959	CB Quận Phương	35 năm
7	NGUYỄN VĂN KIÊN	5/8/1946	CB Quận Phương	35 năm
8	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	27/10/1961	CB Quận Phương	35 năm
9	BÙI THỊ LOAN	11/6/1959	CB Quận Phương	35 năm
10	PHẠM THỊ NINH	13/5/1962	CB Quận Phương	35 năm
11	BÙI ĐỨC TĂNG	20/10/1957	CB Quận Phương	35 năm
12	VŨ NHẬT TIẾN	1/3/1955	CB Quận Phương	35 năm
13	BÙI VĂN TRUNG	5/2/1954	CB Quận Phương	35 năm
14	BÙI MINH TUÂN	17/2/1967	CB Quận Phương	35 năm
15	BÙI THỊ VÂN	5/3/1958	CB Quận Phương	35 năm
16	PHẠM VĂN LƯU	06/05/1961	CB Quận Phương	35 năm
17	NGUYỄN VĂN HẠNH	1/10/1949	CB Quận Phương	45 năm
18	TRẦN VĂN HỒNG	10/5/1957	CB Quận Phương	45 năm
19	NGUYỄN VĂN DÂN	4/2/1962	CB Quận Phương	35 năm
20	VŨ HUY LIỆU	14/10/1955	CB Quận Phương	45 năm
21	PHẠM NGỌC HÙNG	12/11/1941	CB Quận Phương	55 năm
22	PHAN THỊ BÍCH THÌN	16/12/1946	CB Quận Phương	60 năm

CHI BỘ ĐÔNG BIÊN

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chi bộ	Huy hiệu Đảng
1	NGUYỄN HỮU DŨNG	8/5/1964	CB Đông Biên	35 năm
2	TRẦN THANH DUY	28/4/1962	CB Đông Biên	35 năm
3	LÊ THỊ LAN	27/2/1965	CB Đông Biên	35 năm
4	TRẦN THỊ MINH NGUYỆT	15/7/1960	CB Đông Biên	35 năm
5	NGUYỄN VĂN PHÚC	20/10/1952	CB Đông Biên	35 năm
6	ĐINH VĂN THÁM	21/7/1960	CB Đông Biên	35 năm
7	NGUYỄN THỊ TUYẾT	12/5/1953	CB Đông Biên	35 năm
8	NGUYỄN CHÍ DŨNG	8/9/1947	CB Đông Biên	60 năm
9	ĐẶNG THỊ HẠNH	17/3/1944	CB Đông Biên	60 năm

10	BÙI THỊ MAI	20/12/1946	CB Đông Biên	60 năm
11	PHẠM VĂN PHI	17/7/1947	CB Đông Biên	60 năm
CHI BỘ LIÊN MINH				
Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chi bộ	Huy hiệu Đảng
1	BÙI DUY DANH	3/2/1966	CB Liên Minh	35 năm
2	NGUYỄN MẠNH HÙNG	1/12/1964	CB Liên Minh	35 năm
3	VŨ THÀNH HƯNG	20/2/1955	CB Liên Minh	35 năm
4	VŨ THỊ KHANG	5/12/1950	CB Liên Minh	35 năm
5	NGUYỄN THỊ LỰA	15/2/1958	CB Liên Minh	35 năm
6	NGUYỄN ĐÌNH MINH	7/4/1968	CB Liên Minh	35 năm
7	TRẦN VĂN MINH	16/3/1964	CB Liên Minh	35 năm
8	TRẦN NGỌC NAM	25/2/1966	CB Liên Minh	35 năm
9	TRẦN VĂN NGẠN	26/10/1970	CB Liên Minh	35 năm
10	VŨ HỒNG TÂM	10/10/1953	CB Liên Minh	35 năm
11	TRẦN XUÂN THÀNH	2/2/1960	CB Liên Minh	35 năm
12	TRẦN THỊ THẢO	1/4/1958	CB Liên Minh	35 năm
13	NGUYỄN VĂN THƯỜNG	1/12/1959	CB Liên Minh	35 năm
14	VŨ NGỌC TỐI	18/3/1959	CB Liên Minh	35 năm
15	PHẠM VĂN TÚ	01/1957	CB Liên Minh	35 năm
16	NGUYỄN VĂN TUẤN	15/11/1969	CB Liên Minh	35 năm
17	NGUYỄN VĂN VỆ	4/5/1965	CB Liên Minh	35 năm
18	NGUYỄN VĂN VIỆT	3/2/1961	CB Liên Minh	35 năm
19	TRẦN ĐĂNG KHOA	5/6/1970	CB Liên Minh	35 năm
20	TRẦN ĐÌNH NHU	15/7/1953	CB Liên Minh	45 năm
21	TRẦN NGỌC PHÁCH	20/3/1955	CB Liên Minh	45 năm
22	VŨ HỒNG MINH	8/4/1945	CB Liên Minh	60 năm
23	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	15/9/1948	CB Liên Minh	60 năm

CHI BỘ HẢI PHƯƠNG				
Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chi bộ	Huy hiệu Đảng
1	TRẦN MINH HUẤN	21/3/1964	CB Hải Phương	35 năm
2	TRẦN XUÂN LIÊM	28/4/1957	CB Hải Phương	35 năm
3	PHẠM VĂN NGŨ	6/10/1948	CB Hải Phương	35 năm
4	PHẠM VĂN NGŨ	6/10/1948	CB Hải Phương	40 năm
5	LÊ VĂN TỈNH	10/12/1959	CB Hải Phương	45 năm
6	NGUYỄN VĂN DŨNG	30/4/1934	CB Hải Phương	60 năm
7	LÊ ĐỨC MẬU	12/1/1939	CB Hải Phương	60 năm
CHI BỘ PHƯƠNG TIẾN				
Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chi bộ	Huy hiệu Đảng
1	PHẠM THỊ VUI	03/02/1965	CB Phương Tiến	30 năm
2	NGUYỄN VĂN BẰNG	5/2/1961	CB Phương Tiến	35 năm
3	NGUYỄN VĂN ĐIỀN	2/7/1966	CB Phương Tiến	35 năm
4	PHẠM QUANG HẢI	10/1/1959	CB Phương Tiến	35 năm
5	VŨ HỒNG HOÁ	12/2/1962	CB Phương Tiến	35 năm
6	PHẠM THẾ HÙNG	25/11/1954	CB Phương Tiến	35 năm
7	LÊ VĂN LỘC	5/4/1963	CB Phương Tiến	35 năm
8	NGUYỄN THỊ KIM NGỌC	26/9/1960	CB Phương Tiến	35 năm
9	PHẠM VĂN PHIÊN	6/4/1956	CB Phương Tiến	35 năm
10	PHẠM VĂN PHIÊN	21/9/1969	CB Phương Tiến	35 năm
11	LÊ VĂN PHỤC	4/10/1966	CB Phương Tiến	35 năm
12	NGUYỄN THỊ THU	15/9/1961	CB Phương Tiến	35 năm
13	PHẠM XUÂN Y	10/5/1959	CB Phương Tiến	35 năm
14	VŨ VĂN LỤC	26/12/1962	CB Phương Tiến	35 năm
15	PHẠM NGỌC HUYỀN	13/4/1964	CB Phương Tiến	35 năm
16	PHẠM NGỌC HUYỀN	13/4/1964	CB Phương Tiến	40 năm
17	VŨ VĂN KHÂN	2/3/1963	CB Phương Tiến	35 năm

18	VŨ VĂN KHÂN	2/3/1963	CB Phương Tiến	40 năm
19	VŨ VĂN LỤC	26/12/1962	CB Phương Tiến	40 năm
20	NGUYỄN VĂN HẢI	28/06/1954	CB Phương Tiến	45 năm
21	NGUYỄN ĐỨC HẬU	15/4/1954	CB Phương Tiến	50 năm
22	LÊ MẠNH TOÀN	05/10/1952	CB Phương Tiến	50 năm
23	PHẠM QUANG HẠNH	18/9/1951	CB Phương Tiến	55 năm
24	VŨ NGỌC LÂN	10/10/1946	CB Phương Tiến	55 năm
25	PHẠM VĂN THÊ	1/7/1948	CB Phương Tiến	55 năm
26	VŨ VIỆT HẬU	8/11/1947	CB Phương Tiến	60 năm
27	TRẦN THỊ LIỆU	4/4/1941	CB Phương Tiến	60 năm

CHI BỘ PHƯƠNG LONG

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chi bộ	Huy hiệu Đảng
1	NGUYỄN VĂN CHINH	12/11/1954	CB Phương Long	35 năm
2	TRẦN SONG HÀO	8/10/1950	CB Phương Long	35 năm
3	PHẠM THẾ LAI	24/2/1963	CB Phương Long	35 năm
4	VŨ QUỐC LỘC	19/2/1968	CB Phương Long	35 năm
5	ĐOÀN VĂN SÁNG	17/12/1966	CB Phương Long	35 năm
6	NGUYỄN VĂN TUẤN	25/10/1965	CB Phương Long	35 năm
7	NGUYỄN VĂN XÁ	18/9/1960	CB Phương Long	35 năm
8	PHẠM THỊ VIÊN	25/5/1940	CB Phương Long	60 năm

CHI BỘ HẢI BẮC

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chi bộ	Huy hiệu Đảng
1	NGUYỄN VŨ ÁT	12/8/1953	CB Hải Bắc	35 năm
2	TRẦN XUÂN BANG	15/4/1957	CB Hải Bắc	35 năm
3	NGUYỄN XUÂN BỬƠNG	10/1/1957	CB Hải Bắc	35 năm
4	NGUYỄN VĂN DU	4/2/1965	CB Hải Bắc	35 năm
5	LÊ DUY DƯƠNG	27/5/1967	CB Hải Bắc	35 năm
6	ĐINH VĂN HẢI	16/5/1957	CB Hải Bắc	35 năm

7	PHẠM VĂN HÀO	20/6/1968	CB Hải Bắc	35 năm
8	LÊ VĂN HIỆN	17/5/1955	CB Hải Bắc	35 năm
9	TRẦN VĂN KIM	10/9/1949	CB Hải Bắc	35 năm
10	TRẦN VĂN MINH	23/5/1963	CB Hải Bắc	35 năm
11	PHẠM THỊ NHUNG	26/9/1961	CB Hải Bắc	35 năm
12	LÊ HỒNG THÁI	13/3/1968	CB Hải Bắc	35 năm
13	PHẠM VĂN THOÁT	19/6/1958	CB Hải Bắc	35 năm
14	TRẦN THỊ ÁNH TUYẾT	10/11/1959	CB Hải Bắc	35 năm
15	ĐẶNG THỊ KIM VINH	5/5/1957	CB Hải Bắc	35 năm
16	TRẦN THỊ HÀ	1/10/1960	CB Hải Bắc	45 năm
17	ĐỖ XUÂN TUNG	23/12/1948	CB Hải Bắc	45 năm
18	NGUYỄN XUÂN GIANG	13/4/1948	CB Hải Bắc	50 năm

CHI BỘ ĐÔNG CƯỜNG

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chi bộ	Huy hiệu Đảng
1	NGUYỄN XUÂN ĐỘ	19/5/1956	CB Đông Cường	35 năm
2	NGUYỄN VĂN HỘI	18/12/1966	CB Đông Cường	35 năm
3	BÙI VĂN LONG	28/2/1965	CB Đông Cường	35 năm
4	VŨ VIỆT NAM	3/9/1960	CB Đông Cường	35 năm
5	NGUYỄN VĂN NHÃ	20/4/1964	CB Đông Cường	35 năm
6	HOÀNG MẠNH PHONG	2/7/1965	CB Đông Cường	35 năm
7	NGUYỄN NGỌC SINH	14/6/1960	CB Đông Cường	35 năm
8	NGUYỄN VŨ SINH	12/6/1961	CB Đông Cường	35 năm
9	NGUYỄN VĂN THÔNG	9/5/1967	CB Đông Cường	35 năm
10	NGUYỄN MINH TUẤN	10/1/1967	CB Đông Cường	35 năm
11	NGUYỄN VĂN TUẤN	24/11/1963	CB Đông Cường	35 năm
12	CAO VĂN THẬN	25/2/1960	CB Đông Cường	35 năm
13	CAO VĂN THẬN	25/2/1960	CB Đông Cường	40 năm
14	ĐỖ VĂN THẮNG	6/5/1953	CB Đông Cường	45 năm

15	NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	28/10/1946	CB Đông Cường	60 năm
CHI BỘ TRIỆU THÔNG				
Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chi bộ	Huy hiệu Đảng
1	ĐỖ QUANG THIỀM	1/7/1965	CB Triệu Thông	35 năm
2	NGUYỄN TẮT TỔ	1/8/1963	CB Triệu Thông	35 năm
CHI BỘ HẢI THÀNH				
Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chi bộ	Huy hiệu Đảng
1	PHẠM VĂN BÊ	21/8/1951	CB Hải Thành	35 năm
2	PHẠM QUANG CHINH	28/4/1963	CB Hải Thành	35 năm
3	VŨ ĐÌNH GIỚI	2/4/1961	CB Hải Thành	35 năm
4	VŨ VĂN HẠNH	17/7/1967	CB Hải Thành	35 năm
5	LÊ QUANG HIẾN	7/2/1967	CB Hải Thành	35 năm
6	NGUYỄN TRUNG HỢP	1/5/1965	CB Hải Thành	35 năm
7	NGUYỄN SƠN HÙNG	22/4/1965	CB Hải Thành	35 năm
8	TRẦN VĂN HÙNG	25/8/1969	CB Hải Thành	35 năm
9	ĐOÀN DUY KHẮP	6/4/1962	CB Hải Thành	35 năm
10	LƯU VĂN MẠNH	1/9/1970	CB Hải Thành	35 năm
11	NGUYỄN VĂN NHƯ	29/10/1968	CB Hải Thành	35 năm
12	ĐOÀN XUÂN PHẢ	14/8/1962	CB Hải Thành	35 năm
13	TRẦN VĂN PHÁI	20/4/1968	CB Hải Thành	35 năm
14	LƯU QUANG SINH	2/10/1966	CB Hải Thành	35 năm
15	NGUYỄN VĂN TẤN	1/1/1968	CB Hải Thành	35 năm
16	NGUYỄN VĂN THÁI	10/5/1966	CB Hải Thành	35 năm
17	NGUYỄN VĂN THẠNH	10/3/1965	CB Hải Thành	35 năm
18	NGUYỄN VĂN THIỆU	20/3/1967	CB Hải Thành	35 năm
19	HOÀNG XUÂN THUỶ	5/1/1968	CB Hải Thành	35 năm
20	NGUYỄN TẮT TIỀN	22/3/1957	CB Hải Thành	35 năm
21	TRẦN VĂN HỌC	13/7/1964	CB Hải Thành	35 năm

22	TRẦN VĂN HỌC	13/7/1964	CB Hải Thành	40 năm
23	VŨ NGỌC TOÁN	3/10/1966	CB Hải Thành	35 năm
24	VŨ NGỌC TOÁN	3/10/1966	CB Hải Thành	40 năm
25	NGUYỄN HỮU CHÍNH	19/2/1954	CB Hải Thành	45 năm
26	NGUYỄN DUY DUYÊN	14/7/1960	CB Hải Thành	45 năm
27	PHẠM THỊ NGOAN	21/3/1961	CB Hải Thành	45 năm
28	TRẦN TRUNG SƠN	12/2/1955	CB Hải Thành	50 năm
29	NGUYỄN THỊ MIẾN	28/9/1946	CB Hải Thành	60 năm

CHI BỘ HẢI TRUNG

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chi bộ	Huy hiệu Đảng
1	NGUYỄN VĂN CHIẾN	9/4/1968	CB Hải Trung	35 năm
2	NGUYỄN VĂN ĐIỆP	4/7/1967	CB Hải Trung	35 năm
3	BÙI NGỌC ĐÔNG	21/08/1963	CB Hải Trung	35 năm
4	NGUYỄN THỊ HOA	25/10/1952	CB Hải Trung	35 năm
5	NGUYỄN VĂN HỘI	19/10/1962	CB Hải Trung	35 năm
6	TRẦN XUÂN KIỂM	20/7/1968	CB Hải Trung	35 năm
7	NGUYỄN ĐỖ KIÊN	1/12/1958	CB Hải Trung	35 năm
8	NINH VĂN MƯỜI	21/2/1968	CB Hải Trung	35 năm
9	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	8/12/1966	CB Hải Trung	35 năm
10	VŨ ĐỨC NHỘI	4/8/1958	CB Hải Trung	35 năm
11	LÊ HỒNG PHONG	8/12/1962	CB Hải Trung	35 năm
12	ĐINH VĂN PHÚC	26/6/1966	CB Hải Trung	35 năm
13	NGUYỄN NGỌC TOẢN	25/9/1964	CB Hải Trung	35 năm
14	TRẦN DUY XUYÊN	16/2/1967	CB Hải Trung	35 năm
15	NGUYỄN VĂN HUẤN	28/7/1959	CB Hải Trung	35 năm
16	BÙI QUỐC CƯỜNG	7/10/1970	CB Hải Trung	35 năm
17	LÊ VĂN KẾ	20/7/1963	CB Hải Trung	35 năm
18	TRẦN NAM SƠN	22/6/1955	CB Hải Trung	35 năm

19	PHẠM XUÂN HỒNG	1/11/1959	CB Hải Trung	35 năm
20	PHẠM XUÂN HỒNG	1/11/1959	CB Hải Trung	40 năm
21	TRẦN VĂN QUÂN	14/4/1965	CB Hải Trung	35 năm
22	TRẦN VĂN QUÂN	14/4/1965	CB Hải Trung	40 năm
23	NGUYỄN VĂN CHINH	17/5/1959	CB Hải Trung	45 năm
24	NGUYỄN PHÚC THÀNH	27/7/1956	CB Hải Trung	45 năm
25	PHẠM ĐỨC TOÀN	10/10/1958	CB Hải Trung	45 năm
26	ĐỖ HỮU BANG	9/11/1948	CB Hải Trung	60 năm
27	TRẦN HÙNG CƯỜNG	5/5/1942	CB Hải Trung	60 năm

CHI BỘ ĐỒNG TIẾN

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chi bộ	Huy hiệu Đảng
1	VŨ THỊ HƯƠNG	22/05/1965	CB Đồng Tiến	30 năm
2	LÊ THỊ MẬU	01/03/1968	CB Đồng Tiến	30 năm
3	VŨ ĐÌNH AN	25/1/1953	CB Đồng Tiến	35 năm
4	NGUYỄN TRUNG CHÍ	26/6/1966	CB Đồng Tiến	35 năm
5	HOÀNG MINH CHIẾN	2/4/1956	CB Đồng Tiến	35 năm
6	NGUYỄN XUÂN CHỦ	2/5/1952	CB Đồng Tiến	35 năm
7	HOÀNG MẠNH CƯỜNG	22/3/1968	CB Đồng Tiến	35 năm
8	ĐỖ THỊ DÀN	30/5/1951	CB Đồng Tiến	35 năm
9	ĐOÀN ĐĂNG ĐỊNH	19/11/1950	CB Đồng Tiến	35 năm
10	TRẦN THỊ LOAN	2/2/1954	CB Đồng Tiến	35 năm
11	NGUYỄN THỊ MÃO	9/12/1963	CB Đồng Tiến	35 năm
12	PHẠM TRỌNG PHAN	26/8/1962	CB Đồng Tiến	35 năm
13	HOÀNG VĂN PHONG	10/8/1967	CB Đồng Tiến	35 năm
14	ĐOÀN VĂN SƠN	5/8/1958	CB Đồng Tiến	35 năm
15	LÊ VĂN THỎA	1/4/1966	CB Đồng Tiến	35 năm
16	ĐOÀN THỊ THUY	5/6/1954	CB Đồng Tiến	35 năm
17	NGUYỄN VĂN TUYẾN	23/3/1968	CB Đồng Tiến	35 năm

18	TRẦN ANH VŨ	28/4/1956	CB Đồng Tiến	35 năm
19	LÃ VĂN CHIẾN	20/5/1950	CB Đồng Tiến	35 năm
20	LÃ VĂN CHIẾN	20/5/1950	CB Đồng Tiến	40 năm
21	TRẦN THỊ XUÂN	25/2/1961	CB Đồng Tiến	35 năm
22	TRẦN THỊ XUÂN	25/2/1961	CB Đồng Tiến	40 năm
23	MAI TRẦN TỘ	26/8/1948	CB Đồng Tiến	55 năm

CHI BỘ NAM BIÊN

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chi bộ	Huy hiệu Đảng
1	NGUYỄN TRUNG HIẾU	3/9/1969	CB Nam Biên	35 năm
2	TRẦN SỸ HÙNG	3/4/1966	CB Nam Biên	35 năm
3	TRẦN VĂN NGHỊ	15/12/1955	CB Nam Biên	35 năm
4	PHẠM VĂN THÀNH	25/3/1966	CB Nam Biên	35 năm
5	NGUYỄN VĂN THOAN	3/12/1967	CB Nam Biên	35 năm
6	NGUYỄN VĂN TIẾN	1/2/1958	CB Nam Biên	35 năm
7	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	24/8/1970	CB Nam Biên	35 năm
8	VŨ THỊ TUYẾN	15/8/1960	CB Nam Biên	35 năm
9	NGUYỄN VĂN UÝ	17/12/1958	CB Nam Biên	35 năm
10	NGUYỄN VŨ PHÔNG	1/3/1958	CB Nam Biên	35 năm
11	ĐOÀN VĂN THẠNH	5/4/1962	CB Nam Biên	35 năm
12	ĐOÀN VĂN THẠNH	5/4/1962	CB Nam Biên	40 năm
13	NGUYỄN VŨ PHÔNG	1/3/1958	CB Nam Biên	40 năm
14	NGUYỄN VĂN THUẬN	24/2/1960	CB Nam Biên	45 năm
15	TRẦN THỊ BÌNH	25/12/1947	CB Nam Biên	60 năm
16	NINH THỊ NHUNG	8/12/1943	CB Nam Biên	60 năm
17	TRẦN HỒNG SINH	12/6/1947	CB Nam Biên	60 năm

CHI BỘ QUYẾT THẮNG

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chi bộ	Huy hiệu Đảng
1	VŨ CÔNG ÁNH	23/9/1963	CB Quyết Thắng	35 năm

2	TRẦN ĐỨC CHUNG	15/11/1960	CB Quyết Thắng	35 năm
3	LẠI KIÊN CƯỜNG	14/4/1964	CB Quyết Thắng	35 năm
4	PHẠM TIẾN ĐIỀN	18/3/1968	CB Quyết Thắng	35 năm
5	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	18/2/1966	CB Quyết Thắng	35 năm
6	NGUYỄN MẠNH HIỀN	13/12/1958	CB Quyết Thắng	35 năm
7	NGUYỄN DUY HÙNG	2/5/1967	CB Quyết Thắng	35 năm
8	LẠI VĂN LƯỢNG	4/10/1964	CB Quyết Thắng	35 năm
9	NGUYỄN THỊ NA	22/1/1949	CB Quyết Thắng	35 năm
10	LẠI VĂN NGỌ	24/4/1966	CB Quyết Thắng	35 năm
11	LẠI HỒNG PHUỞNG	15/1/1963	CB Quyết Thắng	35 năm
12	NGUYỄN VĂN TÂM	9/2/1965	CB Quyết Thắng	35 năm
13	LẠI VĂN TRẠC	13/4/1958	CB Quyết Thắng	35 năm
14	LẠI ĐỨC HẬU	2/9/1969	CB Quyết Thắng	35 năm
15	PHẠM HỒNG KHANH	18/4/1965	CB Quyết Thắng	35 năm
16	PHẠM HỒNG KHANH	18/4/1965	CB Quyết Thắng	40 năm
17	NGUYỄN VĂN CAM	10/11/1966	CB Quyết Thắng	35 năm
18	NGUYỄN VĂN CAM	10/11/1966	CB Quyết Thắng	40 năm
19	TRẦN ĐÌNH TRỌNG	28/12/1961	CB Quyết Thắng	35 năm
20	TRẦN ĐÌNH TRỌNG	28/12/1961	CB Quyết Thắng	40 năm
21	NGUYỄN THÁI BÌNH	20/10/1953	CB Quyết Thắng	45 năm
22	LẠI VĂN XƯƠNG	24/2/1945	CB Quyết Thắng	55 năm
23	LẠI THỊ NGÀ	23/8/1943	CB Quyết Thắng	60 năm
24	BÙI VĂN CHUÔNG	1/1/1936	CB Quyết Thắng	65 năm

CHI BỘ HẢI LONG

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chi bộ	Huy hiệu Đảng
1	ĐÌNH DUYÊN CHỈNH	12/9/1947	CB Hải Long	35 năm
2	LẠI ĐÌNH DUY	24/2/1964	CB Hải Long	35 năm
3	PHẠM VĂN DƯƠNG	30/11/1965	CB Hải Long	35 năm

4	TRẦN VĂN ĐỘ	20/4/1960	CB Hải Long	35 năm
5	PHẠM THỊ LEN	17/7/1953	CB Hải Long	35 năm
6	NGUYỄN TIẾN LỰC	19/6/1958	CB Hải Long	35 năm
7	NGUYỄN VĂN MẠNH	30/5/1966	CB Hải Long	35 năm
8	TRẦN VĂN PHONG	3/7/1959	CB Hải Long	35 năm
9	TRẦN ĐỨC THỊNH	26/9/1967	CB Hải Long	35 năm
10	LẠI VĂN TUẤN	1/11/1965	CB Hải Long	35 năm
11	LẠI VĂN QUẢNG	22/12/1962	CB Hải Long	35 năm
12	LẠI QUANG CHUNG	10/1/1949	CB Hải Long	35 năm
13	LẠI VĂN QUẢNG	22/12/1962	CB Hải Long	40 năm
14	PHẠM VĂN LƯỢNG	2/1/1954	CB Hải Long	50 năm
15	NGUYỄN THỊ PHUỘNG	01/06/1941	CB Hải Long	60 năm

CHI BỘ VIỆT HỒNG

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chi bộ	Huy hiệu Đảng
1	ĐOÀN VĂN CƯỜNG	12/5/1968	CB Việt Hồng	35 năm
2	TRẦN VĂN DƯƠNG	20/12/1960	CB Việt Hồng	35 năm
3	NINH QUANG ĐẬU	15/9/1963	CB Việt Hồng	35 năm
4	NGUYỄN VĂN NHIÊU	17/9/1964	CB Việt Hồng	35 năm
5	ĐOÀN VĂN THIỆP	27/7/1961	CB Việt Hồng	35 năm
6	NGUYỄN VĂN TUÝ	10/12/1962	CB Việt Hồng	35 năm
7	NGUYỄN VĂN THIÊM	15/3/1954	CB Việt Hồng	35 năm
8	NGUYỄN VĂN THIÊM	15/3/1954	CB Việt Hồng	40 năm
9	NGUYỄN THỊ HỒNG	29/7/1960	CB Việt Hồng	45 năm

ĐẢNG BỘ, CHI BỘ KHỐI CƠ QUAN, DOANH NGHIỆP

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Đảng bộ, Chi bộ	Huy hiệu Đảng
1	LÊ TRUNG HIẾU	25/07/1970	CB trường Tiểu học B Hải Hậu	30 năm
2	PHẠM VĂN HẢI	5/8/1966	ĐB Bệnh viện đa khoa Hải Hậu	35 năm
3	PHẠM QUANG HUY	23/10/1965		35 năm

4	BÙI VĂN LỘC	29/5/1968		35 năm
5	LÊ NGỌC KIÊN	5/4/1966		35 năm
6	VŨ VĂN TUÂN	12/10/1958		35 năm
7	MAI THANH GIẢN	4/12/1966	ĐB Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Hải Hậu	35 năm
8	NGUYỄN VĂN HOÁ	27/9/1966		35 năm
9	BÙI VĂN HÙNG	22/4/1966		35 năm
10	NGUYỄN VŨ LUYỆN	7/11/1969		35 năm
11	PHẠM VĂN PHÚC	12/9/1969		35 năm
12	NGUYỄN VĂN DƯỠNG	16/10/1965	CB Công ty CP Y dược Đình Cự	35 năm
13	TRẦN LÂM TỐI	15/1/1960	CB Công ty CP 27/7 Hải Hậu	35 năm
14	VŨ ĐỨC MINH	19/9/1966	CB Công ty CP Thương mại dịch vụ Hải Hậu	35 năm
15	PHẠM VĂN NĂM	8/3/1964		35 năm
16	NGUYỄN THỊ THUÝ	25/2/1960		35 năm
17	HOÀNG THANH VÂN	20/4/1963		35 năm
18	MAI PHÚC HOÀNG	5/2/1955	CB HTX Minh Hải	35 năm
19	PHẠM VĂN HUỖNH	6/3/1965		35 năm
20	VŨ VIỆT NĂNG	27/3/1956		35 năm
21	NGUYỄN BẮC VIỆT	15/1/1957		35 năm
22	NGUYỄN VĂN PHỐI	19/3/1969	CB Trạm y tế	35 năm
23	ĐỖ MẠNH TOÀN	5/11/1966		35 năm
24	TRẦN VĂN LUNG	29/1/1942	CB trường THPT Tô Hiến Thành	60 năm